

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 17-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Danh.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S.

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An (số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Lam T, sinh năm 1997 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1999 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số D L, phường P, thành phố Cần Thơ (số D L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cũ), các văn bản uỷ quyền ngày 01/02/2024 và ngày 07/10/2024).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh T2, sinh ngày 01/01/1996.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ (ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 10 tháng 01 năm 2025 của nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì [Công ty cổ phần S](#) (sau đây gọi tắt là [Công ty S1](#)) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản.

Vào ngày 17/10/2024, ông [Nguyễn Anh T2](#) có đến [Công ty S1 Chi nhánh S2 - TP . 3](#), tại địa chỉ [số C, đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng](#) để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: SBM241001016NA20X được ký giữa các bên ngày 17/10/2024 số đăng ký giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký trực tuyến của [Cục Đ](#): Giaodichdambao/botuphap: theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Thì ông [Nguyễn Anh T2](#) có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

- 01 xe mô tô hai bánh BKS 83G1-028.03
- Loại xe HONDA WAVE 125I màu: Đen Đỏ
- Số khung MLHJA2101K5294457 - số máy JA21E3094457.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004380 do [Công an huyện C](#), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/8/2020 để lấy số tiền là 37.393.617 đồng; thời hạn cầm cố là 24 tháng (từ 17/10/2024 - 17/10/2026) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì [Công ty S1](#) đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông [Nguyễn Anh T2](#).

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên [Công ty S1](#) có ký giấy cho ông [Nguyễn Anh T2](#) mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 17/10/2024 - 17/11/2024 địa điểm trả xe là tại [Công ty S1 Chi nhánh S2 - TP . 3](#). Ông [Nguyễn Anh T2](#) có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ ông [Nguyễn Anh T2](#) chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, hiện tại trễ 24 ngày. Ông [Nguyễn Anh T2](#) không trả nợ và cũng không trả lại xe máy cho [Công ty S1](#).

Nhân viên của [Công ty S1](#) đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông [Nguyễn Anh T2](#) tại địa chỉ [ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#) nhưng đều không gặp. [Công ty S1](#) đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông [Nguyễn Anh T2](#) trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho [Công ty S1](#), nhưng ông [Nguyễn Anh T2](#) không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của [Công ty S1](#).

Do đó, theo đơn khởi kiện [Công ty S1](#) yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông [Nguyễn Anh T2](#) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với [Công ty S \(Chi nhánh S2 - TP. 3\)](#) theo Hợp đồng cầm cố số SBM241001016NA20X, kèm giấy mượn xe đã ký với [Chi nhánh S2 - TP. 3](#) ngày 17/10/2024 số tiền 41.680.337 đồng tạm tính đến ngày 10/01/2025 bao gồm:

- Gốc: 36.103.319 đồng.
- Lãi: 794.273 đồng (1.1%/tháng).
- Phí mượn xe: 2.019.255 đồng (5,4%/tháng).
- Phí quản lý hồ sơ: 361.033 đồng (0.5%/tháng).
- Phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 60.225 đồng.
- Phí thanh lý trước hạn: 2.342.232 đồng.

Ngoài ra, ông [Nguyễn Anh T2](#) còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 10/01/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/9/2025 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn [Công ty S1](#) là ông [Nguyễn Thanh T1](#) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông [Nguyễn Anh T2](#) có nghĩa vụ thanh toán cho [Công ty cổ phần S1](#) tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm như sau: Số tiền vốn gốc 36.103.319 đồng; lãi trong hạn 3.971.365 đồng (từ ngày 18/11/2024 đến ngày 17/9/2025 là 10 tháng x 1,1%/tháng). Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 40.074.684 đồng. Ngoài ra, ông [Nguyễn Anh T2](#) còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đồng thời, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu khởi kiện các khoản phí sau: Phí mượn xe 2.019.255 đồng (5,4%/tháng); phí quản lý hồ sơ 361.033 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 60.225 đồng; phí thanh lý trước hạn 2.342.232 đồng.

Sau khi ông [Nguyễn Anh T2](#) thanh toán xong nợ cho [Công ty S1](#) thì [Công ty S1](#) đồng ý trả lại cho ông [Nguyễn Anh T2](#) bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 004380, biển số đăng ký 83G1-028.03 do [Công an huyện C](#), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/8/2020 cho ông [Nguyễn Anh T2](#).

Đối với bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 25/TB-TLVA ngày 28 tháng 02 năm 2025, tổng đạt hợp lệ cho ông [Nguyễn Anh T2](#), nhưng ông [T2](#) không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của [Công ty S1](#). Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông [Nguyễn Anh T2](#) để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông [T2](#) vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của ông [T2](#) trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, [Công ty S1](#) căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản số: SBM241001016NA20X được ký giữa các bên ngày 17/10/2024, giữa bên nhận cầm cố là [Công ty S1](#) với bên cầm cố là ông [Nguyễn Anh T2](#); địa chỉ [ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#). [Công ty S1](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) buộc ông [Nguyễn Anh T2](#) phải trả cho [Công ty S1](#) số tiền đã nhận khi cầm cố tài sản vốn gốc còn nợ, lãi suất, phí theo quy định của hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho [Công ty S1](#) nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và [Công ty S1](#) đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của [Công ty S1](#) là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông [Nguyễn Lam T](#), ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và đều vắng mặt tại phiên tòa. Ông [T1](#) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và ông [T](#), ông [T2](#) vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông [Nguyễn Thanh T1](#), ông [Nguyễn Lam T](#) và ông [Nguyễn Anh T2](#).

[1.3] Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vốn gốc và lãi suất; không yêu cầu khởi kiện các khoản phí sau: Phí mượn xe 2.019.255 đồng (5,4%/tháng); phí quản lý hồ sơ 361.033 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 60.225 đồng; phí thanh lý trước hạn 2.342.232 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Công ty S1](#) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông [Nguyễn Anh T2](#) có nghĩa vụ thanh toán cho [Công ty S1](#) với số tiền vốn gốc 36.103.319 đồng; lãi trong hạn 3.971.365 đồng (từ ngày 18/11/2024 đến ngày 17/9/2025 là 10 tháng x 1,1%/tháng). Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 40.074.684 đồng. Ngoài ra, ông [Nguyễn Anh T2](#) còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 17/10/2024, giữa [Công ty S1 Chi nhánh S2 - TP . 3](#) và ông [Nguyễn Anh T2](#) có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản

số SBM241001016NA20X, theo nội dung hợp đồng thì ông [Nguyễn Anh T2](#) cầm cố tài sản là chiếc xe máy – biển kiểm soát 83G1-028.03; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 004380 do [Công an huyện C](#), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/8/2020 cho [Công ty S1](#) để lấy số tiền 37.393.617 đồng. Sau khi ký hợp đồng, [Công ty S1](#) đã giải ngân đầy đủ tiền cho ông [Nguyễn Anh T2](#) sau khi trừ đi các khoản chi phí theo thỏa thuận. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông [Nguyễn Anh T2](#) đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho nguyên đơn theo thỏa thuận, hiện nay số tiền nợ gốc mà ông [Nguyễn Anh T2](#) còn nợ [Công ty S1](#) là 36.103.319 đồng. Như vậy, ông [Nguyễn Anh T2](#) đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho [Công ty S1](#) theo thỏa thuận là đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản mà các bên đã ký kết. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông [Nguyễn Anh T2](#) phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn nợ 36.103.319 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, Căn cứ theo hợp đồng cầm cố tài sản số: SBM241001016NA20X ngày 17/10/2024 thì các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng đối với số tiền vốn gốc. Theo Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ, quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thì tại khoản 6 Điều 29 quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ thì “*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*”. Như vậy, lãi suất thỏa thuận nêu trên là phù hợp với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do ông [Nguyễn Anh T2](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận giữa các bên, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông [Nguyễn Anh T2](#) có nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn 3.971.365 đồng (từ ngày 18/11/2024 đến ngày 17/9/2025 là 10 tháng x 1,1%/tháng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định tại các đoạn [3], [4] nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Công ty S1](#), buộc ông [Nguyễn Anh T2](#) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ vốn gốc 36.103.319 đồng; lãi trong hạn 3.971.365 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 40.074.684 đồng.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 18/9/2025) bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi trong hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[7] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn [Công ty S1](#) về việc đồng ý trả lại cho ông [Nguyễn Anh T2](#) bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 004380 do [Công an huyện C](#), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/8/2020 cho ông

[Nguyễn Anh T2](#) sau khi ông [Nguyễn Anh T2](#) thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho [Công ty S1](#).

[8] Về án phí sơ thẩm:

[8.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.003.734 đồng.

[8.2] Nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.042.008 đồng (một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn không trăm linh tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005925 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 280; Điều 309; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) về yêu cầu trả số tiền vốn gốc còn nợ và lãi suất đối với bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#).
2. Xử buộc bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#) phải trả cho nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) số tiền vốn gốc 36.103.319 đồng; lãi trong hạn 3.971.365 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 40.074.684 đồng (bốn chục triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 18/9/2025) bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn hạn, lãi quá hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Khi ông Nguyễn Anh T2 thực hiện hoàn tất việc trả nợ cho Công ty cổ phần S, thì Công ty cổ phần S phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Anh T2 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 004380 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/8/2020.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn ông Nguyễn Anh T2 phải chịu 2.003.734 đồng (hai triệu không trăm linh ba nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.2. Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.042.008 đồng (một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn không trăm linh tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005925 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GD, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn